

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
THẠNH PHƯỚC TÂN UYÊN BÌNH DƯƠNG
ĐT: 0650.658278 FAX: 0650-625379**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 03 NĂM 2007**

THÁNG 10 NĂM 2007



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 03 năm 2007

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đầu quý	Cuối Quý
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.527.041.579	7.593.796.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.572.540.974	4.093.991.826
1. Tiền	111	V.01	2.572.540.974	4.093.991.826
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.399.280.338	1.020.813.626
1. Phải thu khách hàng	131		1.399.280.338	1.020.813.626
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3.524.089.767	2.446.944.272
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3.524.089.767	2.446.944.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.130.500	32.047.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			12.187.500	4.875.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.943.000	27.172.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		12.234.170.857	11.936.129.035
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		12.234.170.857	11.936.129.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	12.234.170.857	11.936.129.035
- Nguyên giá	222		12.863.422.269	12.863.422.269
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(629.251.412)	(927.293.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đầu quý	Cuối Quý
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.761.212.436	19.529.925.759
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.332.534.223	458.725.185
I. Nợ ngắn hạn	310		1.317.534.223	460.248.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312		122.503.000	284.796.000
3. Người mua trả tiền trước	313		6.525.875	12.020.817
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	166.404.728	137.450.508
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	22.100.620	25.980.860
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000	(1.523.000)
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	15.000.000	15.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			(16.523.000)
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		18.428.678.213	19.071.200.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	18.182.147.785	18.726.680.146
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.950.000.000	15.950.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đầu quý	Cuối Quý
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		60.899.328	173.036.328
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		30.450.824	86.519.457
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.056.000	21.512.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.132.741.633	2.495.612.361
11. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		246.530.428	344.520.428
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		246.530.428	344.520.428
2. Nguồn kinh phí	432	V23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		19.761.212.436	19.529.925.759
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính



Tân Uyên, ngày 11 tháng 10 năm 2007

Giám đốc công ty

Lê Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 03 năm 2007

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý trước	Quý này	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	5.053.152.576	6.381.733.052	13.786.881.211
2. Các khoản giảm trừ	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.053.152.576	6.381.733.052	13.786.881.211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	3.197.334.502	4.004.440.535	8.727.652.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.855.818.074	2.377.292.517	5.059.228.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	11.682.194	10.081.205	39.529.684
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28		30.000.000	30.000.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			30.000.000	30.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		30.192.670	54.772.725	126.627.121
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		280.516.632	398.823.303	927.704.405
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		1.556.790.966	1.903.777.694	4.014.426.856
11. Thu nhập khác	31		666.667	666.667	1.333.334
12. Chi phí khác	32				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		666.667	666.667	1.333.334
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.557.457.633	1.904.444.361	4.015.760.190
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.557.457.633	1.904.444.361	4.015.760.190
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		976,46	1.194,01	2.517,72

Kế toán trưởng

Hứa Ngọc Chính

Tân Uyên, ngày 11 tháng 10 năm 2007



Lê Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 03 năm 2007

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.399.018.135	4.775.977.990
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.803.236.771)	(3.913.914.933)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.115.377.000)	(938.514.000)
Tiền chi trả lãi vay	04		(30.000.000)	
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		177.159.947	185.804.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(922.245.664)	(353.076.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.705.318.647	(243.722.501)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(11.505.396)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.081.205	11.682.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.081.205	176.798
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(1.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.193.949.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.193.949.000)	(1.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.521.450.852	(244.545.703)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.572.540.974	2.817.086.677
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	4.093.991.826	2.572.540.974

Tân Uyên, ngày 10 tháng 10 năm 2007

Kế toán trưởng


Hứa Ngọc Chính

